

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 14/2022/DS - ST
Ngày: 05 - 4 - 2022
V/v: “Tranh chấp chia DSTK là
QSD đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST – DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế là QSD đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐ – ST ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh Th, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Cụ Nguyễn Thị T, sinh 1934; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn M, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Ông Hoàng Xuân Th2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Ông Hoàng Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

6. Ông Hoàng Viết H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang cư trú tại: đường L, thành phố Đ, Đài Loan, vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1968 và các anh Hoàng Trọng H2, sinh năm 1985; anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1987; anh Hoàng Trọng S, sinh năm 1990, chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993; chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1993 (vợ và các con của ông Q đã chết); địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị Th (con cụ Th, cụ T đã chết) có anh Hoàng Thái Th, sinh năm 1992 (con bà Th đã chết), địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (vợ ông Hoàng mạnh Th3 đã chết), vắng mặt.

10. Chị Hoàng Thùy L, sinh năm 2000 (con gái ông Hoàng Mạnh Th3 đã chết), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Thanh Thế trình bày:

Bố mẹ tôi là cụ ông Hoàng Th và cụ bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau sinh hạ được 10 đứa con gồm Hoàng Trọng Q (đã chết), Hoàng Thị Th (đã chết), Hoàng Thị X, Hoàng Thị Đ, Hoàng Mạnh Th3 (đã chết), Hoàng Văn Th1, Hoàng Thanh Th, Hoàng Xuân Th2, Hoàng Thanh H, Hoàng Viết H1. Năm 2015 bố tôi chết không để lại di chúc, tài sản để lại gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói đã xuống cấp hư hỏng và 1.025 m² đất (trong đó có 200 m² đất ở và 825 m² đất trồng cây hàng năm khác) thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã H cũ (nay là thôn A, thị trấn H) huyện B, tỉnh Quảng Bình, hiện nay đang do mẹ là Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng. Do không thống nhất trong phân chia di sản thừa kế nên tôi khởi kiện ra Tòa án yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố tôi để lại gồm 1/2 thửa đất. Sau khi Tòa án phân chia, nếu được hưởng tôi sẽ nhường lại phần đất của mình được chia cho mẹ là cụ Nguyễn Thị T.

Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa: Tôi và cụ ông Hoàng Th (sinh năm 1927) lấy nhau vào năm 1958, quá trình chung sống chúng tôi sinh được 10 người con gồm: Hoàng Trọng Q, sinh năm 1959 (đã chết năm 2011); Hoàng Thị X, sinh năm 1963; Hoàng Mạnh Th3, sinh năm 1965

(đã chết năm 2003), Hoàng Thị Đ, sinh năm 1966; Hoàng Thị Th, sinh năm 1971 (đã chết năm 1993); Hoàng Văn Th1, sinh năm 1972; Hoàng Thanh Th, sinh năm 1974; Hoàng Xuân Th2, sinh năm 1976; Hoàng Thanh H, sinh năm 1981; Hoàng Việt H1, sinh năm 1983; Chúng tôi sống với nhau đến năm 2015 thì cụ ông Hoàng Th chết, tài sản để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 hiện tại đã cũ nát, không còn sử dụng được và 01 thửa đất diện tích 1.025 m² đất (trong đó có 200 m² đất ở và 825 m² đất trồng cây hàng năm khác), giấy chứng nhận QSD đất mang tên tôi và cụ ông Hoàng Th được UBND huyện Bồ Trách cấp ngày 28/12/2013 thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 tại thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Thửa đất hiện do tôi đang quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với ai. Chồng tôi Hoàng Th chết không để lại di chúc, nay Th (con trai thứ) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là QSD đất (1/2 thửa đất) của cụ ông Hoàng Th để lại, tôi nhất trí không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai và tại phiên toà:

- Bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Th1, ông Hoàng Xuân Th2, ông Hoàng Thanh H đều thống nhất trình bày: cụ ông Hoàng Th là bố đẻ của các ông, bà chết năm 2015 để lại tài sản là thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.025 m² tại thôn A, xã H (nay là thị trấn H), huyện B do mẹ là cụ bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng. Do nội bộ anh, chị em không thống nhất để làm thủ tục chuyển thừa kế cho mẹ chúng tôi, vì vậy ông Hoàng Thanh Th làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bố để lại, các ông, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Th và nếu được chia tài sản thì các ông, bà đều thống nhất nhường kỷ phần của mình lại cho mẹ là cụ bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sử dụng.

- Ông Hoàng Việt H2 hiện đang đi làm ăn ở nước ngoài nên không có ý kiến.

- Anh Hoàng Thái Th là con trai duy nhất của bà Hoàng Thị Th (đã chết) cũng thống nhất với ý kiến của bà X, bà Đ, ông Th1, ông Th2, ông H và ông Th.

- Bà Hoàng Thị B và các con (là vợ và con của ông Hoàng Trọng Q đã chết) cũng nhất trí với ý kiến của bà X, bà Đ, ông Th1, ông Th, ông Th2, ông H.

- Bà Nguyễn Thị M và con gái Hoàng Thùy L (là vợ, con của ông Hoàng Mạnh Th3 đã chết) cũng thống nhất với ý kiến của bà X, bà Đ, ông Th1, ông Th, ông Th2, ông Hải.

Kết quả thẩm định tại chỗ thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 tại thôn A, thị trấn H, huyện B đều phù hợp với sơ đồ, vị trí thửa đất được cấp tại giấy chứng nhận QSD đất số BM 536160, do UBND huyện Bồ Trách cấp cho cụ ông Hoàng Th và

cụ bà Nguyễn Thị T vào ngày 28/12/2013, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04796, diện tích thực tế là 1.016 m^2 , có giảm 9 m^2 so với diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất.

Kết quả định giá: 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1990 đã xuống cấp có giá trị 5.000.000 đồng; về giá trị QSD đất, đất ở 200 m^2 giá 28.400.000 đồng ($200 \text{ m}^2 \times 142.000 \text{ đồng/m}^2$), đất trồng cây hàng năm khác $816 \text{ m}^2 \times 35.000 \text{ đ/1m}^2 = 28.560.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị tài sản nhà, đất của cụ ông Hoàng Th và cụ bà Nguyễn Thị T là 56.960.000 đồng; trong đó phần giá trị tài sản của cụ Th để lại là 28.480.000 đồng.

Về hàng rào do ông Th xây dựng (tường rào 1, dài 28,5 m, cao 1,2m được định giá $28,5 \text{ m} \times 896.000 \text{ đ/1md} = 25.536.000 \text{ đồng}$; hàng rào 2: dài 27,3 m, cao 1,35m $\times 926.000 \text{ đ/1md} = 25.279.800 \text{ đồng}$); 01 mái che lợp tôn không định giá.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến. Riêng ông Hoàng Viết H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang ở nước ngoài nên vụ án được xét xử theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm và ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di sản thừa kế của cụ Th là 1/2 thửa đất số 710 tờ bản đồ số 10 thị trấn H, huyện B (508 m^2); chia di sản thừa kế là QSD đất theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thôi (11 kỷ phần), tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền nghĩa vụ liên quan thống nhất trích cho ông Hoàng Viết H2 một phần đất với diện tích $4 \text{ m} \times 15 \text{ m} = 60 \text{ m}^2$ về phía đông thửa đất là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên; đối với phần diện tích đất còn lại 448 m^2 các đồng thừa kế đều thống nhất nhường lại cho cụ Nguyễn Thị T được toàn quyền sử dụng là hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận; về án phí các đương sự phải chịu theo quy định, riêng cụ T là người cao tuổi nên đề nghị miễn cho cụ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” ông Hoàng Viết H1 hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 11/8/2019 chưa có thông tin nhập cảnh về nước (Công văn số 3986/QLXNC-P5 ngày 01/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an) thuộc trường hợp có đương sự đang ở nước ngoài nên theo khoản 5 Điều 26, Điều 467 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan lần thứ ba. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất:

2.1. Cơ sở pháp lý hình thành thửa đất số 710 thuộc tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã H cũ (nay là thị trấn H), huyện B, tỉnh Quảng Bình, theo các chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định như sau: Nguồn gốc thửa đất số 710 tờ bản đồ số 10, thị trấn H, huyện B có diện tích 1.025 m² (trong đó 200 m² đất ở và 825 m² đất trồng cây hàng năm khác) là của cụ ông Hoàng Th và cụ bà Nguyễn Thị T đã được UBND huyện Bố Trạch cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 28/12/2013 đứng tên cụ Hoàng Th và cụ Nguyễn Thị T.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì: diện tích thực tế thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 thôn A, thị trấn H, huyện Bố Trạch là 1.016 m², diện tích đất có giảm 9 m² so với giấy chứng nhận QSD đất cấp năm 2013 là do sai số trong quá trình đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, thửa đất có vị trí tiếp giáp: phía Đông giáp thửa đất số 711; phía Tây giáp đường giao thông; phía Nam giáp thửa đất số 718; phía Bắc giáp đường giao thông; trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 của cụ Th, cụ T đã xuống cấp, các bên nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan thống nhất giao toàn bộ ngôi nhà cấp 4 cho cụ T được quyền sở hữu, sử dụng, không yêu cầu phân chia thừa kế; Riêng về 01 mái che lợp tôn và tường rào do ông Th2 xây dựng có chiều dài 55,8 m, các bên tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. *Về yêu cầu chia di sản thừa kế*: Hội đồng xét xử nhận thấy, năm 2015 cụ ông Hoàng Th chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật.

Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Năm 2015 cụ ông Hoàng Th chết nên thời điểm mở thừa kế là năm 2015, năm 2021 nguyên đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

2.3. Xác định di sản của cụ Th để lại là 1/2 thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 thôn A, thị trấn H, huyện Bố Trạch có diện tích 508 m² (trong đó có 100 m² đất ở và 408 m² đất trồng cây hàng năm khác), có vị trí về phía Đông giáp thửa đất số 1179; phía Tây giáp đất cụ T; phía Nam giáp thửa đất số 718; phía Bắc giáp đường giao thông; được định giá theo giá do UBND tỉnh Quảng Bình quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 được bổ sung tại Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024, theo đó thửa đất thuộc khu vực 2, vị trí 1 giá đất ở tại khu vực nông thôn có giá 142.000 đ/m² và đất trồng cây hàng năm khác có giá 35.000 đồng/m², tổng cộng giá trị phần đất cụ Th để lại là 28.480.000 đồng; 1/2 diện tích thửa đất còn lại gắn liền với ngôi nhà cấp 4 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Nguyễn Thị T là 508 m² (trong đó có 100 m² đất ở và 408 m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 710, tờ bản đồ số 10 thôn A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình có vị trí về phía Đông giáp phần đất cụ Th để lại từ điểm 5 -11: 30,19 m, phía Tây giáp đường giao thông từ điểm 1 -2: 27,30 m; phía Nam giáp thửa đất số 718 từ điểm 1 - 11: 19,12m; phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 3-4: 2,38m, từ điểm 4-5:13,13m.

2.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Hoàng Th gồm có: Cụ Nguyễn Thị T (vợ cụ Th), ông Hoàng Trọng Q, sinh năm 1959 (đã chết năm 2011); bà Hoàng Thị X, sinh năm 1963; ông Hoàng Mạnh Th3, sinh năm 1965 (đã chết năm 2003), bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1966; bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1971 (đã chết năm 1993); ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1972; ông Hoàng Thanh Th, sinh năm 1974; ông Hoàng Xuân Th2, sinh năm 1976; ông Hoàng Thanh H, sinh năm 1981; ông Hoàng Viết H2, sinh năm 1983.

Có ba người con của cụ Th, cụ T (là ông Q, ông Th3, bà Th) chết trước cụ Th nên các con của những người này được hưởng phần của cha, mẹ được hưởng nếu còn sống (Điều 652 Bộ luật Dân sự về thừa kế thế vị). Do cụ Th chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho các kỹ phần bằng nhau 28.480.000 đồng : 11 kỹ phần = 2.589.000 đồng (lấy tròn số). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nhường toàn bộ kỹ phần thừa kế của mình cho mẹ là cụ Nguyễn Thị T, cụ T cũng đồng ý nhận nên cần chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sau khi trừ phần diện tích giao cho ông H1 60 m² (có 9,099 m² đất ở, 50,9 m² đất trồng cây hàng năm khác), phần đất còn lại có diện tích là 448 m² (trong đó có 90,901 m² đất ở và 357,099 m² đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá: 25.406.000 đồng.

2.5. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Việt H1 hiện đang ở nước ngoài, trong biên bản họp gia đình cụ T và những người liên quan đều thống nhất trích một phần đất cho ông Hóa về phía Tây thửa đất giáp đường giao thông với diện tích 57 m². Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết cắt một phần đất về phía Đông của thửa đất kéo dài từ mép đường giao thông trở vào giao cho ông Hoàng Việt H1 với diện tích 4 m x 15 m = 60 m², trên phần đất có 0,5 m hàng rào và trụ cổng, các bên thống nhất tự tháo dỡ để giao đất cho ông H1 và không yêu cầu ông H1 trả lại giá trị hàng rào cho ông Th2 và cụ T, cũng như bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản được hưởng, đồng thời sẽ mở cổng khác để vào nhà cụ T. Hội đồng xét xử nhận thấy việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, nhưng về diện tích đất ở thì phần diện tích đất ở của cụ Th để lại là 100 m², chia cho 11 kỹ phần, mỗi phần là 9,099 m². Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cho ông H1 60 m² (trong đó có 9,099 m² đất ở và 50,9 m² đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá 3.073.500 đồng, ông Hóa không phải bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho các đồng thừa kế.

(vị trí các phần đất được chia có sơ đồ kèm theo);

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Định giá tài sản: Tại phiên tòa ông Thế tự nguyện chịu toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Cụ T được hưởng phần giá trị tài sản được chia và phần giá trị tài sản do các đồng thừa kế nhượng lại, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Tuy nhiên do cụ T là người cao tuổi lại có đơn xin miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí cho cụ T. Nguyên đơn ông Hoàng Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông Th được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Hoàng Viết H1 phải chịu nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Thanh Th về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ ông Hoàng Th,

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng thừa kế gồm ông Hoàng Thanh Th, cụ Nguyễn Thị T, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Th1, ông Hoàng Xuân Th2, ông Hoàng Thanh H; thừa kế thế vị gồm: anh Hoàng Thái Th (con trai duy nhất của bà Hoàng Thị Th đã chết); anh Hoàng Trọng H, anh Hoàng Trọng T, anh Hoàng Trọng S, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Ph (là con của ông Hoàng Trọng Q đã chết); chị Hoàng Thùy L (là con của ông Hoàng Mạnh Th3 đã chết) thống nhất nhường kỷ phần thừa kế của mình cho cụ Nguyễn Thị T:

Giao cho cụ Nguyễn Thị T được hưởng quyền thừa kế phần của cụ Hoàng Th quyền sử dụng đất 448 m² (trong đó có 90,901 m² đất ở và 357,099 m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 710 tờ bản đồ số 10 xã H cũ (nay là thị

trần H), huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, trị giá: 25.406.000 đồng, phần đất có vị trí ranh giới:

Phía Đông giáp thửa đất 1179, KT cạnh từ điểm 8-10: 14,91 m và giáp phần đất của ông H1 từ điểm 6-9: 15 m; Phía Tây giáp đất cụ T, KT cạnh: từ điểm 5-11: 30,19 m; Phía Nam giáp thửa đất số 718, KT cạnh: từ điểm 10-11: 14,34 m; Phía Bắc giáp đường giao thông, KT cạnh từ điểm 5-6: 12,95 m; từ điểm 8-9: 4 m.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm ông Hoàng Thanh Th, cụ Nguyễn Thị T, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Th1, ông Hoàng Xuân Th2, ông Hoàng Thanh H; thừa kế thế vị gồm: anh Hoàng Thái Th(con trai duy nhất của bà Hoàng Thị Th đã chết); anh Hoàng Trọng H, anh Hoàng Trọng T, anh Hoàng Trọng S, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Ph (là con của ông Hoàng Trọng Q đã chết); chị Hoàng Thùy Linh (là con của ông Hoàng Mạnh Th3 đã chết) thống nhất: Giao cho ông Hoàng Việt H1 60 m² (trong đó có 9,099 m² đất ở và 50,9 m² đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá 3.073.500 đồng, ông H1 không phải bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác, phần đất của ông H1 có vị trí: Phía Đông giáp thửa đất 1179, KT cạnh từ điểm 7-8: 15 m; Phía Tây giáp đất cụ T, KT cạnh từ điểm 6-9: 15 m; Phía Nam giáp đất cụ Tiu, KT cạnh: từ điểm 8-9: 4 m; Phía Bắc giáp đường giao thông, KT cạnh từ điểm 6-7: 4 m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm ông Hoàng Thanh Th, cụ Nguyễn Thị T, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Th1, ông Hoàng Xuân Th2, ông Hoàng Thanh H; thừa kế thế vị gồm: Anh Hoàng Thái Th (con trai duy nhất của bà Hoàng Thị Th đã chết); anh Hoàng Trọng H, anh Hoàng Trọng T, anh Hoàng Trọng S, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Ph (là con của ông Hoàng Trọng Q đã chết); chị Hoàng Thùy L (là con của ông Hoàng Mạnh Th đã chết) thống nhất:

Giao toàn bộ ngôi nhà cấp 4 cho cụ Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng và không yêu cầu ông H1 bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản;

Riêng về mái che lợp tôn và 54,8 md hàng rào các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục tách thửa, đăng ký biến động về đất đai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: nguyên đơn tự chịu và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị T; nguyên đơn ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Hoàng Thanh Th được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2020/0002414 ngày 14/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; ông Hoàng Viết H1 phải chịu nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Riêng ông Hoàng Viết H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND thị trấn H;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn

